

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Phúc

2. Bà Trần Thị Kim Khánh

- Thư ký Phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia Phiên tòa:
Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **435/2019/TLST-HNGĐ** ngày 17 tháng 7 năm 2019, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm **1982**; Địa chỉ cư trú: Số 3X (Số cũ 162/2), Đường số 5X GGBP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Số X, hẻm 34Y, Đường BL, tổ 2X, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-7-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày: Chị H và anh N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, thị xã TN (nay là phường NT, thành phố TN), tỉnh TN. Quá trình chung sống thời gian đầu

giữa hai vợ chồng hạnh phúc nhưng vài năm sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N trong đời sống vợ chồng không tin tưởng chị H về kinh tế, tình cảm và anh N có đánh chị H. Khoảng từ tháng 9-2018 âm lịch (nhằm tháng 10-2018 dương lịch) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn được và ly thân cho đến nay. Khoảng đầu năm 2019 chị H có nộp đơn xin ly hôn với anh N nhưng sau đó có rút đơn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về thì giữa vợ chồng cũng không hàn gắn, đoàn tụ được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị H yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng P, sinh ngày 08-12-2002; Nguyễn Lê Thanh N, sinh ngày 04-4-2008 và Nguyễn Lê Thảo Q, sinh ngày 20-4-2012. Hiện các con chung đang sống cùng anh N. Chị H yêu cầu được nuôi con chung là Q vì cháu Q còn nhỏ, lại là con gái. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Việc cháu Q trình bày nguyện vọng muốn sống với cha vì cháu nghe cha nói sống với chị H không được đi học. Riêng đối với hai con chung N, P đã lớn nên có nguyện vọng theo cha thì chị H đồng ý giao hai con chung P, N cho anh N nuôi dưỡng. Về thu nhập: Chị H làm việc tại Công ty TNHH PH Việt Nam, thời gian làm việc là 08 giờ/01 ngày, 48 giờ/ tuần; mỗi tuần được nghỉ ít nhất 01 ngày, 01 tháng được nghỉ ít nhất 04 ngày, thông thường chị H được nghỉ vào chủ nhật hàng tuần. Thời gian làm việc buổi sáng từ 07 giờ 00 phút đến 12 giờ 00 phút, buổi chiều làm việc từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút. Chỉ khi nào có nhiều hàng mới tăng ca, thời gian tăng ca thông thường từ 16 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút. Mức lương bình quân khoảng 4.600.000 đồng/ tháng, nếu có tăng ca mức lương là 5.400.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Bản tự khai ngày 01-8-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoàng N trình bày:* Về thời gian chung sống vợ chồng, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian ly thân như chị H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì gay gắt. Trong cuộc sống vợ chồng tuy có cãi nhau nhưng không trầm trọng, chị H tiêu xài tiền hao phí nên anh N có khuyên chị H nhưng chị H không nghe, tự ý bỏ nhà đi từ tháng 9-2018 âm lịch cho đến nay, để lại bốn cha con anh sống đùm bọc nhau. Anh N không có đánh vợ như chị H trình bày. Anh N vẫn còn thương vợ con nên anh N không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 03 con chung như chị H trình bày. Các con chung đang sống cùng anh N từ nhỏ cho đến nay. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh N xin nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về thu nhập: Từ việc thu hoạch nông sản sau khi trừ các chi phí anh N có thu nhập trung bình là 500.000 đồng/ ngày. Ngoài ra, anh N còn có thu nhập từ vườn bưởi

1.000.000 đồng/ tháng và có con bò sinh sản. Do anh N trồng rau an toàn tại địa phương nên anh N có mặt thường xuyên tại nhà nên có thời gian gần gũi, chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với Tòa án dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy Tòa án.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh N. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Hoàng P, sinh ngày 08-12-2002; Nguyễn Lê Thanh N, sinh ngày 04-4-2008 và Nguyễn Lê Thảo Q, sinh ngày 20-4-2012 cho anh N nuôi; ghi nhận anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Chị H được quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại Tòa án và kết quả tranh tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ H có yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Nguyễn Hoàng N có địa chỉ cư trú: Số X, hẻm 3Y, Đường BL, tổ 2X, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hoàng N tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, thị xã TN (nay là phường NT, thành phố TN), tỉnh TN vào ngày 18-12-2001 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N: Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không tin tưởng chị H về kinh tế, tình cảm và anh N có đánh chị H. Anh N cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, anh N không có đánh chị H. Chị H, anh N đều xác định anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 9-2018 âm lịch (nhằm khoảng tháng 10-2018 dương lịch) cho đến nay.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 14-12-2018, Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN có thụ lý vụ án số 692/2018/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” giữa chị H với anh N. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-12-2018 (Bút lục số 37, 38), anh N thừa nhận giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tiền bạc, anh có đánh chị H vài bạt tay. Tuy nhiên, sau khi hòa giải tại Tòa án, chị H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án nhân dân thành phố TN đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17-01-2019. Đến ngày 10-7-2019, chị H tiếp tục nộp đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh N. Như vậy, giữa chị H và anh N đã có phát sinh mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn kéo dài, anh chị cũng đã ly thân từ tháng 10-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh N.

[3] Về con chung: Chị H, anh N có 03 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng P, sinh ngày 08-12-2002; Nguyễn Lê Thanh N, sinh ngày 04-4-2008 và Nguyễn Lê Thảo Q, sinh ngày 20-4-2012. Chị H, anh N trình bày các con sống cùng anh N từ khi còn nhỏ cho đến nay. Trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị H, anh N thống nhất giao các cháu P, N cho anh N nuôi. Chị H, anh N đều có yêu cầu được nuôi cháu Q.

Xét điều kiện thu nhập và điều kiện chăm sóc con giữa chị H và anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Hợp đồng lao động số 510585/TBL0204 ngày 05-3-2019 (Bút lục số 47, 48) thể hiện: chị H hiện đang làm việc tại Công ty TNHH PH Việt Nam, thời gian làm việc là 08 giờ/01 ngày, 48 giờ/ tuần; mỗi tuần được nghỉ ít nhất 01 ngày, 01 tháng được nghỉ ít nhất 04 ngày; mức lương cơ bản 3.670.900 đồng/ tháng, phụ cấp môi trường 183.600 đồng/tháng. Chị H có cung cấp các bảng in lương tháng 4-2019, tháng 6-2019 và tháng 7-2019 với mức lương lần lượt là 4.867.813 đồng, 5.395.907 đồng và 4.613.358 đồng.

Tại Giấy chứng nhận VietGAP kèm theo là Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP số 1474-18/QĐ-NHONHO ngày 24-12-2018 và phụ lục Danh sách thành viên (từ Bút lục số 53 đến 57); Đơn xin xác nhận việc làm có thu nhập ngày 06-8-2019 (Bút lục số 58) và Đơn xin xác nhận ngày 09-8-2019 (Bút lục số 65) thể hiện: Anh N là thành viên Tổ hợp tác rau an toàn NP, từ việc thu hoạch nông sản sau khi trừ các chi phí anh N có thu nhập trung bình là 500.000 đồng/ ngày. Ngoài ra, anh N còn có thu nhập từ vườn bưởi 1.000.000 đồng/ tháng và có con bò sinh sản. Anh N có mặt thường xuyên tại nhà.

Xét về nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại các Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên Nguyễn Lê Hoàng P, Nguyễn Lê Thanh N và Nguyễn Lê Thảo Q cùng ngày 01-8-2019 (các Bút lục số 30, 31, 32)

thể hiện: Các cháu P, N, Q đều trình bày hiện đang sống cùng với cha là anh Nguyễn Hoàng N và các cháu đều có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì các cháu muốn sống cùng anh N.

Như vậy, xét về điều kiện thu nhập và điều kiện chăm sóc con giữa chị H và anh N thì chị H, anh N đều có điều kiện kinh tế ổn định và đều có điều kiện về thời gian để chăm sóc con. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh N thống nhất giao các cháu P, N cho anh N nuôi là phù hợp với nguyện vọng của các cháu P, N nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu Q trình bày có nguyện vọng sống cùng anh N. Thực tế cháu Q đã sống cùng anh N và các cháu P, N từ khi còn nhỏ cho đến nay nên để đảm bảo điều kiện cho cháu Q được tiếp tục sinh hoạt ổn định thì Hội đồng xét xử nhận thấy việc tiếp tục giao cháu Q cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom các con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lê Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn Hoàng N. Chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hoàng N được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao các cháu Nguyễn Lê Hoàng P, sinh ngày 08-12-2002; Nguyễn Lê Thanh N, sinh ngày 04-4-2008 và Nguyễn Lê Thảo Q, sinh ngày 20-4-2012 cho anh Nguyễn Hoàng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Nguyễn Hoàng N không yêu cầu chị Lê Thị Mỹ H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007281 ngày 17-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung